TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 100/2022/HNGĐ- ST
Ngày 29/08/2022
V/v: Không công nhận là vợ cH giữa anh Nam và chị H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung
2. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2022 về việc: "Không công nhận là vợ cH" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 07 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn X, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn A, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn X trình bày: Năm 1996, anh và chị Đào Thị H đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đám cưới chị H về chung sống cùng anh tại P, thị trấn A. Trước khi tổ chức đám cưới anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế nên đến nay anh và chị H chưa đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống cùng nhau đến năm 2015 thì nẩy ra mâu thuẫn. Anh chị thường xẩy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do anh chị ngày càng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Anh và chị H sống ly thân nhau từ năm 2018. Nay anh không thể tiếp tục chung sống cùng chị H được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ cH.

Về con chung: Anh và chị H sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998 và Nguyễn Thu M, sinh năm 2000. Các con anh đều đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đào Thị H, nhưng chị H không đến trụ sở Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai và bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Nguyễn X và chị Đào Thị H là vợ cH. Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, chị Đào Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn X chung sống như vợ cH với chị Đào Thị H từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống anh Nam và chị H đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Nay anh Nam đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Đào Thị H là vợ cH, đúng với quy định Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn X và chị Đào Thị H là vợ cH.

2. Về án phí: Anh Nguyễn X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0013731 ngày 06 tháng 05 năm 2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND TT A;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân